CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BẢO TRÌ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CONTRACT OF SERVICE PROVISION AND USE INFORMATION TECHNOLOGY MAINTENANCE

Số: /MSNETVAS-HD-26

No: /MSNETVAS-HD-26

- *Căn cứ Luật Thương Mại của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Luật Thương mại sửa đổi thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;*
- *Pursuant to the Commercial Law of the Socialist Republic of Vietnam, Commercial Law revised and approved on June 14, 2005, and taking effect from January 01, 2006;*
- *Căn cứ vào yêu cầu của người sử dụng và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH NETVAS;*
- *Pursuant to the client's demand for and NETVAS Company Limited's ability to provide services;*

Hôm nay, ngày tháng năm 2026. Chúng tôi gồm có:

Today, . We include:

BÊN A (Bên sử dụng dịch vụ):

Party A (The Service Recipient):

Người đại diện:	Ông	Chức vụ:
Represented by:	*Mr*	*Position:*
Địa chỉ:		
Address:		
Mã số thuế:		
Tax code:		

BÊN B (Bên cung cấp dịch vụ): CÔNG TY TNHH NETVAS

Party B (Service Provider): NETVAS COMPANY LIMITED

Người đại diện:	Ông **NGUYỄN NGỌC TRUNG**	Chức vụ: **Giám đốc**
Represented by:	*Mr **NGUYEN NGOC TRUNG***	*Position: **Director***
Địa chỉ:	302A Nguyễn Thượng Hiền, Phường Đuc Nhuan, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Address:	*302A Nguyen Thuong Hien, Duc Nhuan Ward, HCMC, Vietnam*	
Mã số thuế:	0316094974	
Tax code:	*0316094974*	
Điện thoại:	84-28 77792949 & 84-28 77792969	

Tel:	*84-28 77792949 & 84-28 77792969*	
Tài khoản ngân hàng:	8881113365247	tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN.Phú Nhuận
Bank account No:	*8881113365247*	*at MBBank – Phu Nhuan Branch*

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết và thực hiện Hợp Đồng này với các điều khoản, như sau:
Both parties have mutually agreed to sign and execute this Contract under the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: ĐIỀU KHOẢN CƯỚC PHÍ VÀ THANH TOÁN

ARTICLE 1: CHARGE AND PAYMENT TERMS

1.1 Phí dịch vụ hàng tháng/ *Monthly service charge:*

STT *No.*	**Mô Tả Dịch Vụ** *Description of service*	**ĐVT** *Unit*	**Số Lượng** *Quantity*	**Phí Dịch Vụ (vnđ/tháng)** *Monthly service charge (VND/month)*
1	Dịch vụ hỗ trợ công nghệ thông tin *Information technology (IT) management*	Tháng *Month*	01	

(Viết bằng chữ):

In words:

***Ghi chú:** Bảng phí dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT

- Dịch vụ trên không bao gồm chi phí linh kiện thay thế, sửa chữa khi thiết bị hết hạn bảo hành; chi phí phát sinh từ yêu cầu thay đổi cấu hình; hỗ trợ đối với thiết bị hoặc phần mềm không thuộc phạm vi cung cấp của Nhà cung cấp; và các công việc ngoài nội dung đã thỏa thuận.
- *The service does not include the cost of replacement parts, repairs when the equipment is out of warranty; expenses arising from requests to change configurations; support for devices or software not provided by the Supplier; and tasks outside the agreed scope.*
- Trường hợp phát sinh các công việc hoặc yêu cầu ngoài phạm vi dịch vụ nêu trên, hai Bên sẽ thống nhất bằng văn bản về nội dung công việc và chi phí bổ sung tương ứng trước khi thực hiện.
- *In case of additional tasks or requests beyond the scope of the above services, both Parties shall agree in writing on the work details and the corresponding additional costs before implementation.*

1.2 Điều khoản thanh toán:

Payment terms:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phí dịch vụ 01 tháng một lần bằng hình thức chuyển khoản như sau:
- *Party A shall make one (01) time payment per month to Party B through bank transfer for the following charges:*
    - Phí dịch vụ 01 tháng: (chưa bao gồm thuế GTGT)
    - *One months service charge: excluding VAT*

- Trong vòng 05 (năm) ngày của đầu mỗi kỳ dịch vụ, Bên B sẽ gửi đề nghị thanh toán phí dịch vụ theo thông tin Bên A đã nêu tại hợp đồng này. Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được Đề nghị thanh toán.
- *Within the first five (05) days of each service period, Party B shall issue a Payment Request for the service fee in accordance with the information provided by Party A in this Contract. Party A shall pay the full service fee to Party B within five (05) days from the date of receipt of the Payment Request.*
- Phí dịch vụ đã thanh toán sẽ không được hoàn lại trong mọi trường hợp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.
- *Service fees once paid shall be non-refundable under all circumstances, unless otherwise agreed in writing by the Parties.*
- Trường hợp không thanh toán đúng hạn, Bên A phải chịu phạt lãi quá hạn đối với mỗi ngày chậm thanh toán theo kỳ hạn 01 (một) năm do Ngân hàng TMCP Quân Đội công bố gần nhất tại thời điểm thanh toán.
- *In the event of late payment, Party A shall be liable for overdue interest for each day of delay, calculated based on the latest one-year deposit interest rate published by Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank) at the time of payment.*

ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A

ARTICLE 2: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY A

2.1 Bên A có trách nhiệm/*Party A's obligations:*

- Thông báo cho Bên B bằng văn bản khi xảy ra các sự kiện sau: thay đổi tên, địa chỉ, số tài khoản và thiết bị, hình thức sử dụng dịch vụ trong thời gian không quá 7 (bảy) ngày.
- *To give written notice to Party B in case of events including changes in name, address, account number and equipment, form of service use no later than 7 (seventh) days after changing.*
- Phải thanh toán đầy đủ các khoản cước phí cho Bên B theo Điều 1.2 của Hợp đồng này.
- *To make full payment of charges to Party B B in accordance with Clause 1.2 of this Contract.*
- Bên A cung cấp đầy đủ thông tin quản trị hệ thống (tên đăng nhập, mật khẩu) cho Bên B.
- *Party A provides full information on information technology system administration (login name, password) to Party B*
- Phối hợp chặt chẽ với Bên B trong quá trình hỗ trợ dịch vụ.
- *Coordinate closely with Party B throughout the service support process.*
- Bên A có trách nhiệm trang bị hệ thống tường lửa, thiết bị sao lưu dữ liệu.
- *Party A is responsible for equipping the firewall system and data backup devices.*

2.2 Bên A có quyền/*Party A's rights:*

- Được bảo đảm bảo mật thông tin.
- *To be entitled to guarantee of information confidentiality.*
- Khiếu nại về chất lượng dịch vụ Bên B cung cấp. Khiếu nại phải được gửi bằng văn bản cho Bên B không chậm quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát sinh vấn đề.

- *To have a complaint about service quality to be provided by Party B. That complaint shall be made in writing and sent to Party B no later than 15 (fifteenth) days after related issues arise.*

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

ARTICLE 3: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B

3.1 Bên B có nghĩa vụ/ *Party B's obligations:*

- Đảm bảo chất lượng của dịch vụ cung cấp theo tiêu chuẩn chất lượng mà Bên A yêu cầu;
- *To ensure the quality of service to be provided in compliance with quality standards required by Party A;*
- Đảm bảo tính độc lập và bảo mật thông tin cung cấp thông qua mạng lưới của Bên A.
- *To ensure the independence and confidentiality of information to be provided through Party A's network.*
- Bên B bảo mật thông tin, dữ liệu, nội dung, hình ảnh của Bên A, trừ trường hợp có công văn yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.
- *To keep Party A's information, data, contents, images secret, unless otherwise specified in official dispatch(es) from competent authorities.*
- Tuyệt đối bảo mật mô hình mạng, máy chủ, IP tĩnh của Bên A tại trụ sở hoặc thuê ngoài.
- *To ensure and maintain absolute confidentiality for Party A's network model, server and static IP at the head office or outsourced.*
- Trong trường hợp có vấn đề xảy ra, Bên A sẽ liên hệ theo thông tin sau:
- *If there is any problem, Party A should contact:*

Công Ty TNHH NETVAS (gọi tắt NETVAS)
NETVAS Company Limited (referred to as NETVAS)
Tel : 028 -77792949 - 028 -77792969
Email: support@netvas.com.vn

3.2 Bên B có quyền/*Party B's rights:*

Bên B có quyền ngưng cung cấp dịch vụ trong những trường hợp sau:
Party B may cease the service provision in the following cases:

- Tạm ngưng cung cấp dịch vụ cho đến khi Bên A thanh toán đầy đủ cước phí nợ quá hạn nếu nợ cước phí hàng tháng của Bên A tồn đọng quá 20 (hai mươi) ngày kể từ Ngày Thanh Toán.
- *Suspend the service provision until full payment of overdue charges, if overdue monthly charges of Party A exceed 20 (twentieth) days after the Due date of payment, are made by Party A.*
- Ngừng hẳn việc cung cấp dịch vụ cho Bên A nếu sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày tạm ngưng cung cấp dịch vụ, Bên A vẫn chưa thanh toán cước phí cho Bên *B.*
- *To officially stop the service provision if Party A has not paid service charges to Party B after 60 (sixtieth) days from the date of the aforesaid suspension.*

ĐIỀU 4: **THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

ARTICE 4: CONTRACT TERM

- Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký.

- *This contract is valid for 12 (twelfth) months from the date of signing.*
- Trước khi hết thời hạn Hợp đồng 30 (ba mươi) ngày, nếu không bên nào gửi thông báo chấm dứt bằng văn bản hoặc email và hai bên vẫn tiếp tục thực hiện dịch vụ, thì Hợp đồng sẽ tự động gia hạn hằng nằm, mỗi năm 01 lần, mỗi lần 12 (mười hai) tháng
- *Within 30 (thirtieth) days prior to the expiration of the Contract, if neither Party provides a written or email notice of termination and both Parties continue to perform the services, the Contract shall be automatically renewed annually for successive terms of 12 (twelveth) months each.*
- Theo hợp đồng, mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo cho bên còn lại trước 30 (ba mươi) ngày.
- *Under the contract, each party has the right to unilaterally terminate the contract but must notify the other party at least 30 (thirtieth) days in advance.*

ĐIỀU 5: **THỜI GIAN LÀM VIỆC**

ARTICE 5: WORKING TIME

- Thứ 2 đến thứ 6: 8 giờ 15 sáng - 17 giờ 30 chiều (nghỉ trưa 12 giờ - 13 giờ 15)
- *Monday - Friday: 8:15 am - 17h30 pm (lunch break 12 pm - 13h15 pm)*
- Thứ 7: 8 giờ 15 sáng - 12h trưa
- *Saturday: 8:15 am - 12 pm*

Thời gian làm việc nêu trên không bao gồm các ngày nghỉ lễ, Tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. *(The above working hours exclude public holidays, Tet holidays, and any other days off in accordance with the applicable laws of Vietnam.)*

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 6: GENERAL PROVISIONS

- Bất kỳ thay đổi hay chỉnh sửa phải được xác nhận bằng văn bản của các bên.
- *All amendments or modifications must be confirmed in writing by the Parties.*
- Hai bên cam kết tuân thủ và thực hiện nghiêm túc toàn bộ các điều khoản của Hợp đồng này. Bên vi phạm có trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh từ hành vi vi phạm.
- *Both Parties commit to strictly comply with and fully perform all terms and conditions of this Contract. The breaching Party shall be held legally responsible and liable for any damages arising from such breach (if any).*
- Hợp Đồng này được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (01) bản để thực hiện.
- *This Contract is made into two (02) copies of the same validity, each Party retains one (01) copy for implementation.*

ĐẠI DIỆN BÊN A REPRESENTATIVE OF PARTY A	ĐẠI DIỆN BÊN B REPRESENTATIVE OF PARTY B
	NGUYỄN NGỌC TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Independence – Freedom – Happiness
*****//*****

PHỤ LỤC 01
ANNEX 01

PHẠM VI CÔNG VIỆC HỢP ĐỒNG số /MSNETVAS-HD-26
SCOPE OF WORK OF THE CONTRACT /MSNETVAS-HD-26

Bên B bảo trì định kỳ các thiết bị cho Bên A với chi tiết như sau:

Party B periodically maintains equipment for Party A with the following details:

1.1 ĐỊNH KỲ/ PERIODIC ON-SITE SUPPORT

- Bên B sẽ đến trực tiếp tại địa điểm Bên A làm việc để bảo trì toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị cố định 01 tháng 01 lần
- *Party B shall provide on-site support at Party A's workplace once per month to perform periodic maintenance and inspection of the IT equipment and fixed devices within the agreed scope.*

1.2 PC/LAPTOP VÀ MẠNG CƠ BẢN/ PC/LAPTOP AND BASIC NETWORK SUPPORT

- Hỗ trợ người dùng và Thiết bị đầu cuối (User & End-User Support): Tiếp nhận yêu cầu qua tin nhắn, zalo,Ticket, điện thoại, chat…
- *User & End-User Support: Receive and handle support requests via messaging applications, Zalo, ticketing system, telephone, chat, and other agreed communication channels.*
- Hỗ trợ phần cứng: Kiểm tra, sửa chữa và thay thế linh kiện máy tính (PC, Laptop) như RAM, ổ cứng (SSD/HDD), bàn phím, màn hình.
- *Hardware Support: Inspect, troubleshoot, repair, and replace computer components for PCs and laptops, including RAM, hard drives (SSD/HDD), keyboards, monitors, and other related components.*
- Hỗ trợ phần mềm có bản quyền: Cài đặt, cấu hình Hệ điều hành (Windows, macOS) và các phần mềm văn phòng (Microsoft Office 365, Unikey, PDF, trình duyệt web)
- *Licensed Software Support: Install and configure operating systems (Windows, macOS) and commonly used office applications, including Microsoft 365, Unikey, PDF applications, and web browsers.*
- Xử lý lỗi ứng dụng: Khắc phục các lỗi phần mềm phổ biến, lỗi xung đột hệ thống, lỗi kết nối Outlook/Email doanh nghiệp
- *Application Troubleshooting: Troubleshoot common software issues, system conflicts, and Outlook/business email connectivity issues.*
- Vệ sinh thiết bị: Thực hiện bảo trì, vệ sinh bụi bẩn phần cứng máy tính và máy in định kỳ để tăng tuổi thọ thiết bị (6 tháng/lần).
- *Equipment Maintenance and Cleaning: Perform periodic maintenance and cleaning of dust and debris from computer hardware and printers to help maintain equipment performance and extend equipment lifespan. This service shall be performed once every six (6) months.*
- Quản lý kho tài sản: Kiểm kê, quản lý số lượng và tình trạng của trang thiết bị IT (Laptop, chuột, bàn phím, cáp kết nối, linh kiện dự phòng).

- *IT Asset Management: Conduct inventory checks and maintain records of the quantity and condition of IT equipment, including laptops, mice, keyboards, connection cables, and spare components.*
- Xử lý lỗi truy cập mạng, kết nối mạng nội bộ, cấu hình mạng VPN, quản lý vận hành thiết bị modem, thiết bị wifi, kết nối máy in, camera…
- *Basic Network Support: Troubleshoot network access and internal network connectivity issues; configure VPN connections; and provide operational support for modems, Wi-Fi devices, printers, cameras, and other related network devices.*
- Hỗ trợ mua hàng, lấy báo giá các nhà cung cấp (Nếu có)
- *Procurement Support: Assist with obtaining quotations from suppliers when required.*
- Báo cáo định kỳ qua email cho cấp quản lý
- *Reporting: Provide periodic IT support reports via email.*
- Lắp đặt thêm thiết bị WiFi (Chi phí phát sinh).
- *Additional Wi-Fi equipment installation: Additional charges shall apply.*
- Kiểm tra hư hỏng phần cứng và sửa chữa phần cứng. (liên hệ nhà cung cấp phần cứng hoặc phần mềm, chi phí khách hàng tự trả)
- *Additional equipment installation, hardware replacement, vendor services, software licenses, and other third-party services shall be subject to additional charges and Party A's approval.*

1.3 HỆ THỐNG MẠNG NÂNG CAO/ ADVANCED NETWORK SUPPORT

- Vận hành hàng ngày (Daily Tasks): Giám sát hệ thống, xử lý sự cố về băng thông, quả tải băng thông. Theo dõi log (nhật ký) trên Firewall để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tấn công mạng, mã độc hoặc truy cập trái phép.
- *Daily Operations and Monitoring: Monitor the network infrastructure and troubleshoot issues related to bandwidth utilization, network congestion, and network performance. Monitor firewall logs to identify and promptly respond to potential cyberattacks, malware, or unauthorized access.*
- Tiếp nhận ticket, xử lý sự cố mất kết nối mạng, lỗi không truy cập được ứng dụng hoặc lỗi kết nối VPN từ người dùng cuối.
- *Incident Support: Troubleshoot network connectivity, application access, and VPN issues.*
- Cấu hình và Quản trị hệ thống ở Layer 2-Layer 3: Thiết lập chính sách bảo mật (Security Policies), cấu hình NAT, mở/khóa Port dịch vụ theo yêu, quản lý truy cập, cấp phát IP, quản lý VPN Site-to-Site (Client-to-Site)
- *Layer 2/Layer 3 Configuration and Administration: Configure and manage Layer 2 and Layer 3 network infrastructure, including security policies, NAT, service port access (opening/closing), network access control, IP address allocation, and VPN configurations, including Site-to-Site and Client-to-Site VPN.*
- Bảo trì và Tối ưu hóa (Maintenance & Optimization): Backup định kỳ cấu hình, nâng cấp Firmware/OS, cấu hình QoS, vẽ và cập nhật sơ đồ mạng.
- *Maintenance & Optimization: Perform configuration backups, firmware/OS updates, QoS configuration, and maintain network diagrams.*

1.4 QUẢN LÝ MÁY CHỦ/ SERVER MANAGEMENT

- Quản trị AD DS: Quy hoạch, cấu hình và quản trị cấu trúc Active Directory (Forest, Domain, OU – Organizational Unit)
- *Active Directory (AD DS): Plan, configure, and manage Active Directory structures, including Forest, Domain, and Organizational Units (OU)*
- Quản lý tài khoản: Khởi tạo, đồng bộ và phân quyền cho User, Group, Computer trong hệ thống.
- *User Account Management: Create, synchronize, and manage permissions for users, groups, and computers.*

- Cấu hình: DNS & DHCP, quản trị File Server, print Server, cấu hình và giám sát các máy chủ ảo (VM), Thiết lập và kiểm tra định kỳ chiến lược backup hệ thống.
- *Server Configuration: Configure and manage DNS, DHCP, File Server, Print Server, and virtual machines (VMs); implement and periodically verify system backup.*
- Giám sát, Bảo trì và Bảo mật (Monitoring, Maintenance & Security): Theo dõi trạng thái hoạt động của máy chủ (CPU, RAM, Storage, Event Viewer Logs) để phát hiện và xử lý sớm các lỗi thắt nút cổ chai (Bottleneck). Vá lỗi hệ thống, triển khai các giải pháp phòng chống mã độc (Endpoint Protection), cấu hình tường lửa nội bộ (Windows Firewall), chuẩn hóa các giao thức kết nối an toàn.
- *Monitoring, Maintenance & Security: Monitor server performance, including CPU, RAM, storage, and event logs, to identify and resolve potential issues. Perform system patching, manage endpoint protection, configure Windows Firewall, and apply secure connection protocols.*

1.5 HỆ THỐNG EMAIL_MICROSOFT 365/ MICROSOFT 365 EMAIL SYSTEM

- Tạo/xóa/sửa email user 365, reset password, shared mailbox, cấp cho người dùng khác quyền truy cập vào User email.
- *Create/delete/edut user 365, reset password, shared mailbox, and grant other users access to User email*
- Cài đặt email: quản lý quyền, theo dõi tìm kiếm log mail, chuyển tiếp, lưu trữ, xuất email,…
- *Configure email settings: manage permission, monitor and search mail logs, forwarding, archiving, exporting email,...*
- Quản lý Group mail: group 365, distribution group, manage group,…
- *Mange group mail: group 365, distribution group, manage group,...*
- Quản lý user MFA: Kích hoạt, vô hiệu hóa, thực thi
- *Manage user MFA: enable, disable, enforce*
- Sharepoint and Onedrive: Tạo/xóa các Hub/site/library/documents, phân quyền, chia sẻ files cho internal/external users, cấp cho người dùng khác quyền truy cập vào User A's Onedrive files trong 30 ngày sau khi người dùng bị xóa,…
- *Sharepoint and Onedrive: Create/detele hubs/site/library/documents, manage permisions, shares file with internal/external users, grant other users accesss to User A's Onedrive files for 30 days after the account is deleted,...*
- Kiểm tra nâng cấp phần mềm theo yêu cầu. (Trường hợp phần mềm phát sinh chi phí sẽ báo lại với khách hàng)
- *Check and update software upon requests (Any additional software costs incurred will be dicuss with customers)*

1.6 MÁY IN/PRINTER/CAMERA

- Hỗ trợ kết nối người dùng. (*Support user connection)*
- Các lỗi về phần cứng, thay mực, … hỗ trợ liên hệ NCC (Chi phí phát sinh) *(Hardware errors, ink replacement, ... support contact supplier (Additional costs)*

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng số /MSNETVAS-HD-26. Các nội dung khác của Hợp Đồng số /MSNETVAS-HD-26 không được đề cập đến tại Phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.

Phụ lục này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản có hiệu lực kể từ ngày ký.

This annex is an integral part of the contract no. HD /MSNETVAS-HD-26. Other contents of contract number /MSNETVAS-HD-26 not mentioned in this Annex still retains its validity. This annex is made into 02 (two) copies with the same validity, each party shall keep 01 (one) copy and the annex shall take effect from the date of signing.

ĐẠI DIỆN BÊN A **REPRESENTATIVE OF PARTY A**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **REPRESENTATIVE OF PARTY B**
	NGUYỄN NGỌC TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Independence – Freedom – Happiness
*****//*****

PHỤ LỤC 02
ANNEX 02

PHẠM VI CÔNG VIỆC HỢP ĐỒNG SỐ /MSNETVAS-HD-26
QUẢN LÝ DANH SÁCH THIẾT BỊ
SCOPE OF WORK OF THE CONTRACT /MSNETVAS-HD-26
DEVICE LIST MANAGEMENT

Bên B bảo trì định kỳ các thiết bị cho Bên A, với chi tiết như sau:

Party B shall perform periodic maintenance on Party A's equipment with the following details:

STT *NO*	**TÊN THIẾT BỊ** *EQUIPMENT*	**SỐ LƯỢNG** *QUANTITY*	**MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG** *PURPOSE*
1	PC/LAPTOP và mạng cơ bản *PC/LAPTOP and basic network support*	24	**Văn phòng/Office**
2	Hệ thống mạng nâng cao *Advanced network support*	1	**N/A**
3	Quản lý máy chủ *Server management*	1	**N/A**
4	Hệ thống emaiL_MICROSOFT 365 *Microsoft 365 email system*	1	**N/A**
5	Camera/Máy in/Printer	1	**N/A**

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng số /MSNETVAS-HD-26. Các nội dung khác của Hợp Đồng số /MSNETVAS-HD-26 không được đề cập đến tại Phụ lục này vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.

Phụ lục này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản có hiệu lực kể từ ngày ký.

This annex is an integral part of the contract no. HD /MSNETVAS-HD-26. Other contents of contract number /MSNETVAS-HD-26 not mentioned in this Annex still retains its validity. This annex is made into 02 (two) copies with the same validity, each party shall keep 01 (one) copy and the annex shall take effect from the date of signing.

ĐẠI DIỆN BÊN A **REPRESENTATIVE OF PARTY A**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **REPRESENTATIVE OF PARTY B**
	NGUYỄN NGỌC TRUNG